

Số: ~~154~~ /TTg - KTN
V/v điều chỉnh Quy hoạch phát triển
các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2014

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 4925/BKHĐT-QLKKT ngày 30 tháng 7 năm 2014) về việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp ban hành kèm theo Danh mục các khu công nghiệp quy hoạch phát triển đến năm 2020 của tỉnh Bắc Ninh như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 4925/BKHĐT-QLKKT ngày 30 tháng 7 năm 2014 (Phụ lục kèm theo).

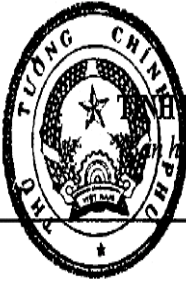
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan để định hướng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có trong Quy hoạch theo phương án phân kỳ đầu tư hợp lý, phù hợp với khả năng thu hút đầu tư, đảm bảo hiệu quả sử dụng đất; thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thành lập khu công nghiệp theo đúng quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg CP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Các Vụ: TH, KTTH; TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTN (3) Khanh. 25



Hoàng Trung Hải



Phụ lục I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN QUY HOẠCH KCN TỈNH BẮC NINH ĐẾN NĂM 2020

(Bản kèm theo Công văn số 454/TTg-KTN ngày 10 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha

TT	KCN	Diện tích quy hoạch	Tình hình thực hiện		Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất)	Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)			
			Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNĐT	Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNĐT		Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020	Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt	Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập mới và mở rộng đến năm 2020
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(1)	(7)=(1)-(5)	(8)=(5)-(2)
I KCN được thành lập trước Quyết định 1107/QĐ-TTg									
1	KCN Tiên Sơn	449	410	39	402	402		47	
2	KCN Quế Võ	611	636	0	610	610		1	
3	KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn	530	272	258	368	368		162	
4	KCN Yên Phong	655	351	304	665	665	10		
II KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định 1107/QĐ-TTg và văn bản của Thủ tướng Chính phủ									
1	KCN Quế Võ II	270	270	0	547	547	277		
2	KCN VSIP Bắc Ninh	500	500	0	500	500			
3	KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh	800	432	368	432	432		368	
4	KCN Yên Phong II	764	273	491	655	655		109	
5	KCN Thuận Thành II	250	252	0	252	252	2		
6	KCN Thuận Thành III	300	504	0	504	504	204		
7	KCN Gia Bình	300	306	0	306	306	6		
8	KCN Hanaka	74	74	0	54	54		20	
9	KCN Quế Võ III	300	524	0	524	524	224		
Tổng cộng		5.803,00	4.804,00	1.460,00	5.819,00	5.819,00	723,00	707,00	



Phụ lục II
CÁC KCN BẮC NINH DỰ KIẾN QUY HOẠCH
THÀNH LẬP MỚI ĐẾN NĂM 2020
(theo Công văn số 154/TTg-KTN ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: ha

TT	KCN	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương kiến nghị)	Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến năm 2020 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất)
1	KCN Thuận Thành I	250	250
2	KCN Gia Bình II	250	250
	Tổng cộng	500	500

09462485